

Số: 2816 /TB-SGDĐT

Bình Dương, ngày 03 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: Trường Trung học phổ thông Bàu Bàng

Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Trung học phổ thông Bàu Bàng và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 28/06/2024 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương và Trường Trung học phổ thông Bàu Bàng;

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư) của Trường Trung học phổ thông Bàu Bàng như sau:

I. Phần số liệu:

1. Phạm vi xét duyệt:

- Quyết toán ngân sách năm 2023 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư).
- Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) căn cứ trên cơ sở hồ sơ, sổ sách và báo cáo tài chính của đơn vị để thực hiện xét duyệt quyết toán (không thực hiện đối chiếu, xác minh thực tế hóa đơn, chứng từ thanh toán, công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng; không chứng kiến việc kiểm kê quỹ tiền mặt, kiểm kê tài sản, vật tư hàng hóa tại đơn vị).

- Đơn vị chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu, số liệu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, sổ sách, chứng từ có liên quan tại niên độ quyết toán.

2. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí (theo danh mục phí, lệ phí được quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13)

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

b.1) Ngân sách nhà nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **1.498.749 đồng, gồm:**
 - + KP nhiệm vụ chi thường xuyên: **1.498.749 đồng**
(trong đó nguồn CCTL 1.498.749 đồng)
- Dự toán giao trong năm: **12.902.441.032 đồng**

+ Dự toán giao đầu năm:	12.153.000.000 đồng, trong đó:
* KP nhiệm vụ chi thường xuyên:	8.809.000.000 đồng
* KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:	3.344.000.000 đồng
+ Dự toán bổ sung trong năm:	749.441.032 đồng
* KP nhiệm vụ chi thường xuyên:	49.441.032 đồng
	(trong đó nguồn CCTL 18.567.259 đồng)
* KP nhiệm vụ chi không thường xuyên:	700.000.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	12.356.281.310 đồng
+ KP nhiệm vụ chi thường xuyên:	8.859.939.781 đồng
	(trong đó nguồn CCTL 20.066.008 đồng)
+ KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:	3.496.341.529 đồng
- Kinh phí quyết toán trong năm:	12.356.281.310 đồng
+ KP nhiệm vụ chi thường xuyên:	8.859.939.781 đồng
	(trong đó nguồn CCTL 20.066.008 đồng)
+ KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:	3.496.341.529 đồng
- Kinh phí giảm (hủy) trong năm:	547.658.471 đồng
+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:	547.658.47 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau:	0 đồng
b.2) Nguồn hoạt động khác được để lại	
- Số dư năm trước chuyển sang:	134.034.125 đồng
- Dự toán được giao trong năm:	1.542.720.000 đồng
- Số thu được trong năm:	3.698.770.727 đồng
- Số sử dụng trong năm:	3.685.773.105 đồng
- Số dư chuyển sang năm sau:	147.031.747 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

Không có

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a) Về chỉ tiêu chuyên môn cơ bản

- Chỉ tiêu biên chế được giao: 74 biên chế; số biên chế được giao dự toán: 62 biên chế; số biên chế thực hiện bình quân: 62 biên chế.

- Hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế được giao dự toán: 1 hợp đồng, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế thực hiện: 1 hợp đồng.

- Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo ND số 111 được giao: 3 hợp đồng; hợp đồng được giao dự toán: 3 hợp; hợp đồng thực hiện: 3 hợp đồng

Chỉ tiêu giao học sinh: 1.527 học sinh, số học sinh thực hiện bình quân: 1.527 học sinh.

b) Về số liệu quyết toán

b.1) Nguồn ngân sách nhà nước

- Số dư năm trước chuyển sang (theo Thông báo số 3391/TB-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở GDĐT về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Bàu Bàng): **1.498.749 đồng, gồm:**

+ *KP nhiệm vụ chi thường xuyên:* 1.498.749 đồng
(trong đó nguồn CCTL 1.498.749 đồng)

- **Dự toán giao trong năm:** **12.902.441.032 đồng**

+ Dự toán giao đầu năm: 12.153.000.000 đồng, trong đó:

* *KP nhiệm vụ chi thường xuyên:* 8.809.000.000 đồng

* *KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:* 3.344.000.000 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 749.441.032 đồng

* *KP nhiệm vụ chi thường xuyên:* 49.441.032 đồng

(trong đó nguồn CCTL 18.567.259 đồng)

* *KP nhiệm vụ chi không thường xuyên:* 700.000.000 đồng

- **Kinh phí thực nhận trong năm:** **12.356.281.310 đồng**

+ *KP nhiệm vụ chi thường xuyên:* 8.859.939.781 đồng

(trong đó nguồn CCTL 20.066.008 đồng)

+ *KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:* 3.496.341.529 đồng

- **Kinh phí quyết toán trong năm:** **12.356.281.310 đồng**

+ *KP nhiệm vụ chi thường xuyên:* 8.859.939.781 đồng

(trong đó nguồn CCTL 20.066.008 đồng)

+ *KP thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:* 3.496.341.529 đồng

- **Kinh phí giảm (huỷ) trong năm:** **547.658.471 đồng**

+ *Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên:* 547.658.47 đồng

- **Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau:** **0 đồng**

b2) Nguồn thu hoạt động khác được để lại

- **Số dư năm trước chuyển sang:** **134.034.125 đồng**

+ Học phí: 128.844.000 đồng

(trong đó nguồn CCTL: 128.844.000 đồng)

+ Thu sự nghiệp: 5.190.125 đồng, gồm:

* *Buổi 2:* 5.190.125 đồng

- Dự toán được giao trong năm:	1.542.720.000 đồng
+ Học phí:	1.542.720.000 đồng
- Số thu trong năm:	3.698.770.727 đồng, gồm:
+ Học phí:	1.529.720.000 đồng
	(trong đó nguồn CCTL: 611.888.000 đồng)
+ Thu sự nghiệp:	2.168.477.300 đồng
* Buổi 2:	1.877.311.300 đồng
* Phí vệ sinh:	73.524.000 đồng
* Bán trú:	217.642.000 đồng
+ Hoạt động tài chính:	573.427 đồng
- Số sử dụng trong năm:	3.685.773.105 đồng, gồm:
+ Học phí:	1.657.246.000 đồng
	(trong đó nguồn CCTL: 740.732.000 đồng)
+ Thu sự nghiệp:	2.027.451.774 đồng
* Buổi 2:	1.746.703.373 đồng
* Phí vệ sinh:	69.315.180 đồng
* Bán trú:	211.433.221 đồng
+ Hoạt động tài chính:	1.075.331 đồng
- Số dư chuyển sang năm sau:	147.031.747 đồng, gồm:
+ Học phí:	1.318.000 đồng
	(trong đó nguồn CCTL: 0 đồng)
+ Thu sự nghiệp:	146.215.651 đồng
* Buổi 2:	135.798.052 đồng
* Phí vệ sinh:	4.208.820 đồng
* Bán trú:	6.208.779 đồng
+ Hoạt động tài chính:	-501.904 đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	954.621.702 đồng, trong đó:
+ Trích lập các quỹ:	941.624.080 đồng
+ Trích lập cải cách tiền lương (nguồn thu học phí):	611.888.000 đồng
+ Chi cải cách tiền lương:	-740.732.000 đồng
	(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện nộp báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước: Cơ bản đơn vị đã chấp hành quy định đối với công tác lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp.

- Đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thông qua hội nghị cán bộ công chức viên chức và thực hiện theo quy chế.

2. Kiến nghị

- Giảm chi nguồn Ngân sách nhà nước, đồng thời tăng chi nguồn thu học phí được để lại số tiền 12.480.000 đồng (do cân đối lại nguồn thu học phí được để lại trong năm).

- Trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp số tiền 146.215.651 đồng (theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ).

Nơi nhận:

- Trường THPT Bàu Bàng;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Nhật Hằng